



Số: 01520-2026-PQT (NT2606.096.002)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
Địa chỉ quan trắc : Đường Sông Thao, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng/Tên mẫu : 01
Ngày lấy mẫu : 27/06/2026 Thời gian phân tích : 27/06/2026-08/07/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/ BTNMT (Cột A)	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A)
				NT01	C _{max}	C _{max}
1	Độ màu	Pt/Co	HETC/SOP-QTHT-N13	34	72	50
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	10,2	43,2	39,6
3	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	<6*	-	26,4
4	Tổng Phốt pho	mg/l	TCVN 6202:2008	0,07	-	5,28
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	<3,6*	-	6,6
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	600	-	3.000

Ghi chú:

- QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (Cột A). $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ ($K_q=1,2$; $K_f=1,2$).
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A). Với $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ ($K_q=1,2$; $K_f=1,1$);
- (-): Không quy định;
- (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- NT01: Mẫu nước thải tại điểm xả nước thải ra sông Hồng, thuộc phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (X: 2356215; Y: 569310)

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Vương Thị Hương

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Thị Sương

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC

PGD KỸ THUẬT



Đặng Hoàng Minh

- Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến;
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng;

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy Việt Tri

Địa chỉ quan trắc : Đường Sông Thao, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu : Không khí môi trường lao động

Số lượng/Tên mẫu : 03

Ngày lấy mẫu : 18/06/2026

Thời gian phân tích : 18-25/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 24:2016/BYT
				KM04	KM05	KM06	Trung bình 8 giờ
1	Tiếng ồn (LAeq)	dBA	QCVN 24:2016/BYT	71,2	71,0	70,6	85
2	Tiếng ồn (Lmax)	dBA	QCVN 24:2016/BYT	84,4	84,6	81,1	115
3	Tiếng ồn (Lmin)	dBA	QCVN 24:2016/BYT	56,0	57,6	55,7	-
							QCVN 26:2016/BYT
4	Nhiệt độ	°C	QCVN 26:2016/BYT	29,1	29,3	31,4	18 - 32
5	Độ ẩm	%	QCVN 26:2016/BYT	69,1	69,6	74,5	40 - 80
6	Tốc độ gió	m/s	QCVN 26:2016/BYT	0,67	0,52	0,48	0,2 - 1,5
							QCVN 02:2019/BYT
							Giới hạn tiếp xúc ca làm việc
7	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,060	0,069	0,179	8
							QCVN 03:2019/BYT
							Giới hạn tiếp xúc ca làm việc
8	Cacbon monoxit (CO)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	<9*	<9*	<9*	20
9	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,215	0,176	0,153	5
10	Nitơ đioxit (NO ₂)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,249	0,212	0,178	5

Ghi chú:

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (*): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.
- KM04: Mẫu không khí tại khu vực phòng điều khiển dây truyền Xeo 2
- KM05: Mẫu không khí tại khu vực phòng điều khiển cấp bột Xeo 2
- KM06: Mẫu không khí tại khu vực xử lý nước thải



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Phòng thử nghiệm kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT) – Vimcerts 253 – VLAT-1.0267

Địa chỉ: C21-20 khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

Tel1: 0246.683.2969

Tel2: 0972.191.566

Email: Hetc.moitruong@gmail.com

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC

Vương Thị Hương

Hoàng Thị Sương



Đặng Hoàng Minh

1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
3. Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng;

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì
 Địa chỉ quan trắc : Đường Sông Thao, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
 Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
 Số lượng/Tên mẫu : 03
 Ngày lấy mẫu : 18/06/2026 Thời gian phân tích : 18-25/06/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 24:2016/BYT
				KM01	KM02	KM03	Trung bình 8 giờ
1	Tiếng ồn (LAeq)	dBA	QCVN 24:2016/BYT	73,6	72,5	73,1	85
2	Tiếng ồn (Lmax)	dBA	QCVN 24:2016/BYT	82,6	80,3	79,9	115
3	Tiếng ồn (Lmin)	dBA	QCVN 24:2016/BYT	58,7	56,6	59,3	-
							QCVN 26:2016/BYT
4	Nhiệt độ	°C	QCVN 26:2016/BYT	28,9	28,7	28,5	18 - 32
5	Độ ẩm	%	QCVN 26:2016/BYT	61,7	57,9	56,8	40 - 80
6	Tốc độ gió	m/s	QCVN 26:2016/BYT	0,53	0,42	0,64	0,2 - 1,5
							QCVN 02:2019/BYT
							Giới hạn tiếp xúc ca làm việc
7	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,099	0,096	0,092	8
							QCVN 03:2019/BYT
							Giới hạn tiếp xúc ca làm việc
8	Cacbon monoxit (CO)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	<9*	<9*	<9*	20
9	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,152	0,201	0,184	5
10	Nitơ đioxit (NO ₂)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,208	0,234	0,221	5

Ghi chú:

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (*): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.
- KM01: Mẫu không khí tại khu vực phòng điều khiển lò hơi
- KM02: Mẫu không khí tại khu vực phòng điều khiển Xeo 1
- KM03: Mẫu không khí tại khu vực phòng điều khiển cấp bột Xeo 1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Phòng thử nghiệm kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT) – Vimcerts 253 – VLAT-1.0267

Địa chỉ: C21-20 khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội
Tel1: 0246.683.2969 Tel2: 0972.191.566 Email: Hetc.moitruong@gmail.com

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC



Vương Thị Hường

Hoàng Thị Sương

Đặng Hoàng Minh

1. Các kết quả phân tích ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc do Công ty lấy về, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
3. Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng;